

Số: 30/2021/QĐST-HNGĐ

Đ. H, ngày 05 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2021/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Kim Th, xã Hành D, huyện Ngh. H, tỉnh Q. Ng.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Thống Nh, xã H. M, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Tiến D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nguyễn Tiến D đồng ý thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 26/8/2010 cho chị Nguyễn Thị Phương Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được. Anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Nguyễn Tiến D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 ; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn*) là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu, chị Nguyễn Thị Phương Th nhận chịu toàn bộ số tiền này, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị Phương Th đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2016/0004510 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T. Hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) cho chị Nguyễn Thị Phương Th.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã H. M ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Quách Văn N